

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/3/2019
Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thịnh

Ông Lê Văn Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: “*Ly hôn, giải quyết nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Lê Văn T, sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn T, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: chị Lê Thị K; sinh năm: 1978;

HKTT: Thôn T, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Hiện trú tại: nhà ông Hoàng Quốc T1 (cậu ruột chị K); Địa chỉ: số nhà 250, đường Đỗ Bá; quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa có mặt anh T. Vắng mặt chị K, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị K chung sống với nhau từ tháng 11 năm 1997 đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau nhiều lần. Từ tháng 5 năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân. Từ đó đến nay vợ chồng không hề quan tâm đến nhau nữa. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị cho Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh và chị K. Về con chung: Anh và chị K có hai con chung là cháu Lê Việt L; sinh ngày: 26/9/1998 và cháu Lê Việt T2; sinh ngày 14/3/2004. Hiện nay cháu L đã

trưởng thành, cháu T2 đang ở với anh. Anh T và chị K sẽ tự giải quyết về việc nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị K tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, chị Lê Thị K trình bày: Chị xác nhận quan hệ hôn nhân như anh T trình bày. Quá trình chung sống không hạnh phúc do anh T không quan tâm đến vợ con và vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 5 năm 2017 vợ chồng sống ly thân và đến nay không còn ai quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T có đơn xin hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị đồng ý đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị và anh T. Về con chung: chị K xác nhận vợ chồng có hai con chung như anh T trình bày. Chị và anh T thống nhất tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị K xác nhận vợ chồng tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng trình tự quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị: chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn T. Xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn T và chị Lê Thị K. Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn T và chị Lê Thị K chung sống với nhau từ tháng 11 năm 1997 đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống với nhau hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau nhiều lần. Từ tháng 5 năm 2017 đến nay anh T, chị K sống ly thân. Từ đó đến nay hai người đều không quan tâm đến nhau nữa. Anh T có đơn xin ly hôn và đến nay anh chị đều thống nhất đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T xử tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa anh Lê Văn T và chị Lê Thị K

[2].*Về con chung:* Anh T và chị K đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Việt L; sinh ngày: 26/9/1998 và cháu Lê Việt T2; sinh ngày

14/3/2004. Cháu L đã trưởng thành. Về việc nuôi cháu T2, anh T và chị K thống nhất tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3].*Về tài sản chung, công nợ chung*: Anh T và chị K đều xác nhận vợ chồng tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T. Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa anh Lê Văn T và chị Lê Thị K

2.Về án phí: anh Lê Văn T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000999 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND TP Ninh Bình
- Chi cục thi hành án Ds TP Ninh Bình
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

